TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/DS-ST
Ngày: 02/8/2024
V/v : Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU TỈNH SƠN LA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Lường Tiến Hải

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Phạm Ngọc Thiệp.

2. Bà Lý Thị Vinh.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thị Mai - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà*:** Bà Đinh Thị Bích Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 02/8/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2024/TLST-DS ngày 05/3/2024 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXX -ST ngày 03/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐST-DS ngày 19/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST-DS ngày 26/7/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Lò Văn T**; Địa chỉ: Bản T, xã P, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà **Phan Thanh B**; Địa chỉ: Tiểu khu 4, thị trấn T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2023 và lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu ông Lò Văn T (nguyên đơn) trình bày:

Ngày 28/3/2019 ông Lò Văn T cho bà Phan Thanh B vay số tiền 60.000.000 đồng. Thời hạn trả vay là ngày 28/4/2019, khi vay tiền thì hai bên có làm giấy vay tiền, bà B là người trực tiếp viết giấy vay tiền, có chữ ký của các bên. Khi đến hạn trả nợ là ngày 28/4/2019 ông Lò Văn T đã đòi nợ rất nhiều lần yêu cầu bà Phan Thanh B trả nợ thì đến tháng 02 năm 2021 bà B mới trả được cho ông 14.000.000 đồng, còn lại 46.000.000 đồng cho đến nay bà B không thực hiện việc trả tiền. Ông Lò Văn T đã có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Phan Thanh B phải trả số tiền nợ gốc là 46.000.000 đồng, không tính lãi. Hình thức thanh toán một lần.

Quá trình giải quyết vụ án, tại các biên bản ghi lời khai bị đơn bà Phan Thanh B trình bày như sau: Bà xác nhận việc vay tài sản giữa bà và ông Lò Văn T là có thực và

đúng như các nguyên đơn đã trình bày. Số tiền bà là để làm ăn kinh doanh hoa quả, trong quá trình vay bà đã trả được số tiền 20.800.000 đồng, số tiền còn lại là 39.200.000 đồng bà chưa có tiền để trả. Bà nhất trí trả nợ mong ông Lò Văn T cho bà trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Ngày 01/7/2024 Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La ra quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu bà B cung cấp chứng cứ, chứng minh về việc bà đã trả khoản nợ số tiền 20.800.000 đồng cho ông T. Tuy nhiên bà B đã không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nêu trên.

Tại phiên tiếp cận công khai chứng cứ ông T không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác. Ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa ông Lò Văn T xác nhận bà B trả được cho ông 18.000.000 đồng, còn lại 42.000.000 đồng cho đến nay bà B không thực hiện việc trả tiền. Ông T yêu cầu Tòa án buộc bà B phải trả nợ gốc là 42.000.000 đồng, không tính lãi. Hình thức thanh toán một lần.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến trước khi ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Thụ lý đúng thẩm quyền tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ đúng quy định. Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi kịp thời các văn bản tố tụng cho viện kiểm sát và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 97, Điều 195, Điều 196, Điều 198, Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 71Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn bà Phan Thanh B: Bà B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lò Văn T. Xử buộc bà Phan Thanh B phải trả số tiền nợ gốc là: 42.000.000 đồng cho ông Lò Văn T.

- Án phí: Bà Phan Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

** Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Ông Lò Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu bà Phan Thanh B phải trả số tiền vay nợ. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Thuận Châu nên Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn bà Phan Thanh B: Bà B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

[2].Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lò Văn T thì thấy rằng: Việc vay tiền giữa các bên có xảy ra trên thực tế, thể hiện tại tờ giấy vay tiền do bị đơn bà Phan Thanh B viết, ký tên, ghi họ và tên, số điện thoại vào giấy vay tiền: Ngày 28/3/2019 vay số tiền 60.000.000 đồng. Hình thức thanh toán một lần. Thời hạn trả vay là ngày 28/4/2019. Đến tháng 02 năm 2021 bà Phan Thanh B đã trả cho ông Lò Văn T 18.000.000 đồng. Nay ông Lò Văn T yêu cầu Tòa án buộc bà Phan Thanh B phải trả số tiền nợ gốc là 42.000.000 đồng, không tính lãi. Hình thức thanh toán một lần.

Khi vay tiền thì giữa ông Lò Văn T và bà Phan Thanh B có làm giấy vay tiền có chữ ký, họ và tên của các bên gồm bên cho vay tiền là ông Lò Văn T, bên vay tiền là bà Phan Thanh B. Nội dung của giấy vay tiền nêu trên phù hợp với nội dung tại biên bản lấy lời khai của bà Phan Thanh B có làm giấy vay tiền, thỏa thuận thời hạn trả nợ vay ông Lò Văn T số tiền là 60.000.000 đồng là đúng như nguyên đơn khai. Tuy nhiên bị đơn không thực hiện đúng thỏa thuận nêu trên. Đến tháng 02 năm 2021 bà Phan Thanh B đã trả cho ông Lò Văn T 18.000.000 đồng. Nguyên đơn ông Lò Văn T yêu cầu bị đơn bà

Phan Thanh B phải trả số tiền nợ gốc là 42.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, hình thức thanh toán một lần.

Hội đồng xét xử nhận định: Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: " Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Như vậy, việc bà B đã vay của ông T số tiền 60.000.000 đồng là có thật. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ các đương sự cung cấp: Nguyên đơn cung cấp 01 giấy vay tiền đề ngày 28/3/2019. Đến tháng 02 năm 2021 bà Phan Thanh B đã trả cho ông Lò Văn T 18.000.000 đồng. Do bị đơn bà B không thực hiện việc trả tiền cho nguyên đơn theo đúng thỏa thuận là vi phạm điều kiện thanh toán được quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự đã quy định bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lò Văn T là có căn cứ đúng pháp luật, được pháp luật bảo vệ. Cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Lò Văn T buộc bà Phan Thanh B phải trả số tiền nợ gốc là 42.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án hợp pháp cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Lò Văn T được Tòa án chấp nhận toàn bộ, bị đơn bà Phan Thanh B là người có lỗi do vậy phải chịu án phí dân sự có giá ngạch vận dụng khoản 3 Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lò Văn T. Xử buộc bà Phan Thanh B phải trả số tiền nợ gốc là: 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng) cho ông Lò Văn T.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án hợp pháp cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền

chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí: Bà Phan Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Lò Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Phan Thanh B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Tiến Hải